

Số: 60/2020/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 03 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 70/2020/TLVDS - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Lò Văn T - Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi làm việc: Trung tâm Q, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

+ Chị Lò Thị H - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi làm việc: Công ty cổ phần M tỉnh Điện Biên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 24/7/2008 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cùng lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ vào ngày 24/7/2008. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; bản tự khai của các đương sự và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/7/2020, chị H, anh T cùng xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống bất đồng, không hòa hợp về nhiều mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị H, anh T thỏa thuận thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H, anh T là thực sự tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Lò Thị N - sinh ngày 30/7/2009 và Lò Thị Q - sinh ngày 03/3/2013. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện đang ở cùng anh T. Các cháu có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở cùng bố. Anh T, chị H thỏa thuận sau khi ly hôn anh T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy chị H, anh T thực sự tự nguyện ly hôn; Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; Sự thỏa thuận bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lò Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị N - sinh ngày 30/7/2009 và Lò Thị Q - sinh ngày 03/3/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí: Anh Lò Văn T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000171 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ. Anh Lò Văn T đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. ĐBP;
- Chi cục THADS TP. ĐBP;
- UBND phường N, TPĐ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ việc dân sự;

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Minh Huệ**